

NGUYỄN ÁI QUỐC VỀ NƯỚC CÙNG TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CHUYỂN XOAY VẬN NƯỚC

PHẠM XANH¹

I. Hành trình về nước của Nguyễn Ái Quốc

Sau khi thoát khỏi nhà tù Hồng Kông, Nguyễn Ái Quốc trở lại Mátxcova và được Quốc tế Cộng sản bố trí công việc tại Viện Nghiên cứu các vấn đề dân tộc và thuộc địa thuộc Trường Đại học Phương Đông. Những năm đó, tình hình thế giới đang chuyển biến chóng mặt, cách mạng Việt Nam đang vẫy gọi, trong khi đó Nguyễn Ái Quốc cặm cụi đọc sách, lục tìm tài liệu cho Luận án Phó tiến sĩ của mình... Người cảm thấy không đúng lúc, không hợp thời và cô đơn trong thế giới đầy biến động. Ngày 6-6-1938, trong một lá thư như một tâm sự gửi cho một đồng chí có vị trí trong Quốc tế Cộng sản, Người nói tới địa vị của mình như “ở bên ngoài Đảng” (1) trong cái thế giới cần phải có những con người biết hành động, biết xả thân này và đề nghị Quốc tế Cộng sản bố trí công tác mới. Được sự đồng ý của Quốc tế Cộng sản, ngày 29-9-1938, đồng chí Nguyễn Ái Quốc rời Mátxcova với nhiệm vụ “đến Trung Quốc để công tác trong Đảng Cộng sản Đông Dương” (2). Và thế là Người có điều kiện xích gần lại quê hương, tìm cơ hội trở về nước để thực hiện khát khao cháy bỏng trong suy tư của Người từ ngày rời bến cảng Nhà Rồng.

Trước đó, tháng 6-1923 khi rời Pháp đi Liên Xô, trong một lá thư để lại cho những người bạn chiến đấu của mình, Nguyễn Ái Quốc đã bộc bạch:

“Chúng ta phải làm gì?”

Đôi với tôi, câu trả lời đã rõ ràng: Trở về nước, đi vào quần chúng, thức tỉnh họ, tổ chức họ, đoàn kết họ, huấn luyện họ, đưa họ ra đấu tranh giành tự do, độc lập” (3).

Về tới Trung Quốc, Người tìm cách truyền đạt cho Đảng tinh thần các Nghị quyết của Quốc tế Cộng sản, đặc biệt nhấn mạnh các chủ trương, chính sách của Đảng trong thời kỳ Mặt trận Dân chủ Đông Dương. Hiểu rõ những bất đồng trong nội bộ Đảng, Người yêu cầu Đảng quan tâm hơn nữa tới công tác giáo dục tư tưởng trong Đảng, tăng cường đoàn kết và “đấu tranh không khoan nhượng chống tư tưởng bè phái” (4), chống trớt xít, đề cao cảnh giác trước những hành động của phát xít Nhật trên đất Trung Quốc và giữ mối quan hệ chặt chẽ với Đảng Cộng sản Pháp. Dưới danh nghĩa một nhà báo Trung Quốc, đầu năm 1939, Người gửi bài đăng trên các tờ báo công khai của Đảng ta và của Đảng Cộng sản Trung Quốc, qua đó nhằm bắt liên lạc với Ban Chấp hành Trung ương Đảng trong nước. Những bài viết của Người

¹PGS.TS. Khoa Lịch sử - Trường Đại học KHXH&NV - ĐHQGHN

cung cấp thông tin về tình hình đang diễn ra trên đất Trung Quốc, tố cáo tội ác của giặc Nhật, ca ngợi chủ nghĩa anh hùng cách mạng của nhân dân nước bạn, giúp nhân dân ta đề cao cảnh giác, đấu tranh cho hòa bình, chống chủ nghĩa phát xít và chiến tranh. Trong bài *Người Nhật Bản muốn khai hóa Trung Quốc như thế nào* với bút danh P.C Line đăng liên trên hai số báo *Notre Voix* (Tiếng nói của chúng ta) ra ngày 12-2-1939 và 5-3-1939, Người đã tố cáo trước dư luận những vụ tàn sát dã man của phát xít Nhật trong trại tập trung Nam Kinh và cảnh báo những vụ tàn sát tương tự “cũng đã đủ cho người ta một ý niệm về những gì mà bọn Nhật đã và đang tiến hành ở Trung Quốc và cũng như những gì mà chúng nhất định sẽ tiến hành ở các nước châu Á khác”.

Khi đến Trùng Khánh, thông qua Đảng Cộng sản Trung Quốc, Người bắt liên lạc với Chi bộ Vân Quý và Ban Chỉ huy ở ngoài tại Côn Minh do đồng chí Phùng Chí Kiên lãnh đạo. Đồng chí Phùng Chí Kiên đón tiếp Người Nguyễn Ái Quốc về sống tại ngôi nhà số 77 phố Kim Bích của gia đình ông Tống Minh Phương, chủ một hiệu may, có thiện cảm với cách mạng.

Trong buổi làm việc đầu tiên với Ban Chỉ huy ở ngoài của Đảng, sau khi nghe đồng chí Phùng Chí Kiên báo cáo những nét lớn về phong trào cách mạng trong nước và tình hình Việt kiều tại Vân Nam, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã nhấn mạnh những công việc cần kíp nhất ở thời điểm này là tích cực chuẩn bị mọi điều kiện để về nước.

Tháng 6-1940, Pari thất thủ, nước Pháp đầu hàng Phát xít Đức. Nguyễn Ái Quốc nhìn thấy trong sự kiện diễn ra trên đất Pháp như một cơ hội tốt cho sự “đột nội” của Người bấy lâu mong đợi. Người đã lập tức cho triệu tập cuộc họp tại Tòa soạn Báo

Đ.T đề xuất những giải pháp tận dụng cơ hội đó. Đoàn hội ký của Trịnh Đông Hải, tức Vũ Anh cho chúng ta biết cái tài, cái nhạy bén của nhà cách mạng Nguyễn Ái Quốc trong việc nắm bắt thông tin và xử lý thông tin đó:

“Việc Pháp mất nước là một cơ hội rất thuận lợi cho cách mạng Việt Nam. Ta phải tìm mọi cách về nước ngay để tranh thủ thời cơ. Chậm trễ lúc này là có tội với cách mạng” (5).

Sau đó, Người điện cho Lâm Bá Kiệt (Phạm Văn Đồng), Dương Hoài Nam (Võ Nguyên Giáp), Cao Hồng Lãnh đang trên đường đi học ở Diên An quay lại, chuẩn bị về nước.

Lúc đầu, Người có ý định trở về nước theo con đường hỏa xa Côn Minh - Lào Cai vì qua chuyến khảo sát của Người do Phùng Chí Kiên tháp tùng, Người đã thấy được những cơ sở cách mạng của Việt kiều dọc theo tuyến đường sắt đó. Và để thực hiện ý định đó, Người đã phái Bùi Đức Minh, Hoàng Văn Lộc về Hà Khẩu để điều tra, nắm tình hình trong nước và đặt cơ sở liên lạc. Nhưng rồi cầu Hồ Kiều, một chiếc cầu lớn trên tuyến đường sắt Việt-Điền nối hai nước Việt Nam và Trung Hoa bị máy bay Nhật đánh sập ngày 10-9-1940. Cửa khẩu lớn giữa hai nước bị đóng lại. Vậy là, ý định về nước theo hướng Lào Cai không còn. Người tin cho hai người trở lại Côn Minh tìm hướng mới. Hướng mới đó là Cao Bằng. Nhưng tại sao lại là Cao Bằng mà không phải một hướng nào khác? Có lẽ, trong suy nghĩ của Nguyễn Ái Quốc, Cao Bằng quy tụ được *nhiều yếu tố cần thiết về địa-nhân* cho sự “đột nội”, cho việc chọn chỗ đứng chân và xây dựng căn cứ địa cách mạng của Người.

Trước hết là yếu tố Địa. Ngoại trừ Hà Giang, nóc nhà của nước ta và Lai Châu

quá xa, Cao Bằng khác với Lao Cai và Lạng Sơn ở một điểm hết sức căn bản đối với những nhà cách mạng bị đặt ra ngoài vòng pháp luật là thông với Trung Quốc không phải bằng những con đường cái quan, mà chỉ bằng những đường mòn, những con sông nhỏ mà cư dân địa phương hai bên biên giới hay đi lại. Trên phương diện giao thông liên lạc, đặc điểm địa chính là điểm thuận lợi, chỗ mạnh của những người yêu nước, nhưng lại là điểm nghịch thiên, chỗ yếu của bọn thống trị ở mọi cấp độ. Trong ba con sông ở Cao Bằng (Bằng Giang, Bắc Vọng và sông Năng), dân địa phương dùng bè mảng, thuyền nhỏ theo sông Năng có thể đi từ Mỏ Sắt (Sóc Giang) đến Tà Lùng, sát biên giới Việt-Trung, xưa kia đồng bào theo sông Năng đi thuyền qua ả Na Thống đến tận động La Hối, Long Châu. Nếu theo đường bộ, từ các huyện biên giới như Trà Lĩnh, Quảng Hòa, Trùng Khánh, Hà Quảng có rất nhiều cửa khẩu và hàng trăm lối mòn thông sang Trung Quốc. Đây là điểm hết sức thuận lợi cho ta tiếp nhận những gì cần thiết từ vùng đất nằm ngoài sự kiểm soát, khống chế của kẻ địch và cũng là lối thoát ra ngoài khi ở trong gặp khó khăn. Đó chính là điều kiện thuận lợi cho *thoái*. Còn *tiến*, từ Cao Bằng nối với Bắc Cạn - Thái Nguyên - Hà Nội bằng Quốc lộ số 3. Từ Cao Bằng theo Quốc lộ số 4 về Lạng Sơn, một điểm giao thông quan trọng trên con đường quốc tế và xuyên Việt. Tóm lại, từ Cao Bằng khả năng phát triển của cách mạng là hết sức rộng mở. Sẽ không đầy đủ khi đề cập tới yếu tố địa của Cao Bằng mà quên đi sự hiểm trở. Chính vì yếu tố này mà mảnh đất Cao Bằng trở thành chốn dung thân, đợi thời của những ai chống đối lại chính quyền hiện hành. Về điểm này triều Mạc là một ví dụ điển hình trong việc biến mảnh đất này thành căn cứ chống lại triều Lê. Cũng do sự hiểm trở này

mà những vùng sâu, vùng xa, bộ máy thực dân không với tới, tạo nên những kẽ hở cho những hoạt động chống đối.

Thứ hai là yếu tố Nhân. Trên bước đường hoạt động cách mạng của mình, có lẽ người dân tộc thiểu số đầu tiên mà Nguyễn Ái Quốc tiếp xúc là một người Tày Cao Bằng. Đó là anh thanh niên Hoàng Văn Nọn, tức Hoàng Tú Hưu, trong Đoàn Đại biểu Đảng Cộng sản Đông Dương tham dự Đại hội VII Quốc tế Cộng sản họp ở Mátxcơva vào tháng 7-1935. Sau khi Đại hội bế mạc, anh được ở lại tham gia một khóa huấn luyện ngắn ngày tại Trường Đại học Phương Đông của Quốc tế Cộng sản. Tại đây, anh được Nguyễn Ái Quốc giúp đỡ tận tình và qua đó, Người có được ấn tượng tốt đẹp về anh và vùng quê Cao Bằng của anh. Hoàng Văn Nọn cùng với một người đồng hương là Hoàng Đình Giông, là những người Cao Bằng đầu tiên lựa chọn con đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc. Hoàng Đình Giông là người đầu tiên xây dựng chi bộ đảng đầu tiên ở Cao Bằng cũng là đầu tiên ở Việt Bắc, là chi bộ Nậm Lìn, Hòa An, Cao Bằng vào tháng 4-1930. Dưới ảnh hưởng của chi bộ này, Cao Bằng lần lượt xuất hiện các chi bộ khác ở Phúc Tang, Xuân Phách (Hòa An), Tĩnh Túc (Nguyên Bình), Sóc Hà (Hà Quảng), đặc biệt là chi bộ ở làng Cốc Coóc (Quảng Hòa), giữ đường giây liên lạc từ Cao Bằng sang Long Châu (Trung Quốc) nơi có chi bộ hải ngoại của Đảng Cộng sản Đông Dương. Với những hoạt động tích cực đó mà tháng 7-1933, Ban Chỉ huy ở ngoài đã công nhận Ban Chấp hành tỉnh Đảng bộ Cao Bằng do đồng chí Hoàng Văn Nọn làm bí thư. So với các tỉnh giáp với Trung Quốc, Cao Bằng có phong trào cộng sản sớm nhất và vững chắc nhất. Đó là điểm mạnh của Cao Bằng để Nguyễn Ái Quốc chọn hướng "đột nội". Nhưng trên tất cả là cuộc gặp gỡ của Người

với Hoàng Văn Thụ, đại diện của Ban thường vụ Trung ương tại làng Tân Khu, Tỉnh Tây, Trung Quốc. Tại cuộc gặp đó, đồng chí Hoàng Văn Thụ đã báo cáo với Người về công tác chuẩn bị cho Hội nghị Trung ương lần thứ Tám và đề nghị Người về nước theo hướng Cao Bằng vì trình độ giác ngộ cách mạng của nhân dân tương đối cao và đội ngũ cán bộ cách mạng khá vững và kiên định. Lời đề nghị của Hoàng Văn Thụ rất khớp với suy nghĩ của Người. Bởi trước đó một tháng Người đã phái Vũ Anh về Cao Bằng tìm một địa điểm bí mật, có hàng rào quân chủng bảo vệ và thuận đường thoái lui. Đó là hang Cốc Bó thuộc bản Pắc Bó, huyện Hà Quảng, địa thế hiểm trở. Ngày 28-1-1941, Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc vượt biên giới ở mốc 108 và ngày 8-2, Người cùng với một số đồng chí thân cận chuyển lên sống trong hang Cốc Bó. Và như vậy, Cao Bằng với:

"Ba mặt "Tam giang" trôi cuộn cuộn

Bốn bề "tứ trụ" đứng chon von"

đã trở thành chỗ đứng chân đầu tiên khi Nguyễn Ái Quốc trở về nước sau 30 năm hoạt động nơi góc bể chân trời.

II. Sự hoàn thiện chuyển hướng chiến lược cách mạng Việt Nam

Sau một thời gian chuẩn bị khẩn trương, tháng 5-1941, dưới sự chủ trì của Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, đại diện của Quốc tế Cộng sản, Hội nghị lần thứ Tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng nhóm họp tại Khuổi Nặm, Pắc Bó, Cao Bằng. Tham gia Hội nghị có Quyền Tổng Bí thư Trường Chinh, Hoàng Văn Thụ, Phùng Chí Kiên, Hoàng Quốc Việt cùng một số đại biểu của Xứ ủy Bắc Kỳ, Trung Kỳ và đại biểu tổ chức Đảng hoạt động ở nước ngoài. Trong lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Hội nghị lần thứ Tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng được

đánh giá như là Hội nghị hoàn thiện chuyển hướng chiến lược cách mạng Việt Nam.

Như chúng ta đều biết, từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời cho đến trước tháng 11 năm 1939, trong các Cương lĩnh của Đảng đều chủ trương làm cách mạng tư sản dân quyền, nhưng từ Hội nghị lần thứ Sáu Ban Chấp hành Trung ương họp tại Bà Điểm, Gia Định tháng 11-1939 dưới sự chủ trì của Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ, đã khởi động một nhận thức mới mà ta thường gọi là chuyển hướng chiến lược sang cách mạng giải phóng dân tộc, chứ không phải là cách mạng tư sản dân quyền như Quốc tế Cộng sản chủ trương. Hội nghị đó đã đặt vấn đề: Trong điều kiện lịch sử mới, giải phóng dân tộc là nhiệm vụ hàng đầu và cấp bách nhất của cách mạng Đông Dương "bước đường sinh tồn của các dân tộc Đông Dương không còn có con đường nào khác hơn là con đường đánh đổ đế quốc Pháp, chống tất cả ách ngoại xâm, vô luận da trắng hay da vàng, để giành lấy giải phóng độc lập" (6). Hội nghị VII Ban Chấp hành Trung ương họp tại Đình Bảng, Bắc Ninh tháng 11 năm 1940 khẳng định thêm nhiệm vụ trước mắt của Đảng là chuẩn bị lãnh đạo cuộc "võ trang bạo động giành lấy quyền tự do độc lập" (7). Hội nghị lần thứ Tám kế thừa và hoàn thiện sự chuyển hướng chiến lược cách mạng Việt Nam trên những vấn đề lớn sau đây:

1.) Làm rõ hơn cuộc cách mạng giải phóng dân tộc như một bước đi tất yếu, đầu tiên trước khi làm cuộc cách mạng tư sản dân quyền để đi tới cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa. Trong hoàn cảnh lịch sử mới của thế giới, trên cơ sở phân tích thái độ chính trị của các giai tầng của đất nước, Hội nghị đã nêu rõ, ở nước ta mâu thuẫn chủ yếu đòi hỏi phải được giải quyết cấp bách là mâu thuẫn giữa dân tộc ta và đế quốc phát xít

Pháp-Nhật, cho nên "Cần phải thay đổi chiến lược. Sự thay đổi về kinh tế, chính trị Đông Dương, lực lượng giai cấp Đông Dương buộc Đảng ta phải thay đổi chính sách cách mạng ở Đông Dương cho hợp với nguyện vọng chung của toàn thể nhân dân Đông Dương..." (8), bởi lẽ nhiệm vụ đánh Pháp đuổi Nhật "không phải riêng của giai cấp vô sản và dân cày mà là nhiệm vụ chung của toàn thể nhân dân Đông Dương" (9), do vậy "cuộc cách mạng Đông Dương hiện tại không phải là một cuộc cách mạng tư sản dân quyền, cuộc cách mạng phải giải quyết hai vấn đề: phản đế và điền địa nữa, mà là cuộc cách mạng chỉ phải giải quyết một vấn đề cần kíp "dân tộc giải phóng", vậy thì cuộc cách mạng Đông Dương trong giai đoạn hiện tại là một cuộc cách mạng giải phóng" (10). Từ đó, Hội nghị chủ trương: "Trong lúc này quyền lợi của bộ phận, của giai cấp phải đặt dưới sự sinh tử, tồn vong của quốc gia, của dân tộc, Trong lúc này nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được" (11). Rõ ràng, Hội nghị Trung ương Tám có một bước tiến mới trong việc giải quyết mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp, cụ thể là vấn đề dân tộc được đặt lên trên hết và trước hết.

2) Hội nghị Trung ương VIII còn chủ trương giải quyết vấn đề dân tộc trong khuôn khổ từng nước ở Đông Dương nhằm đề cao tinh thần dân tộc, sự chủ động cách mạng và sự sáng tạo cách mạng của từng nước riêng lẻ trên toàn Đông Dương. Trên tinh thần đó, Hội nghị cho rằng Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương không còn thích hợp nữa, mà "đổi ra cái tên

khác cho có tính chất dân tộc hơn, cho có một mãnh lực dễ hiệu triệu hơn và nhất là có thể thực hiện được trong tình thế hiện tại; vậy mặt trận hiệu triệu của Đảng ta hiện nay ở Việt Nam là Việt Nam Độc lập Đồng minh, hay nói tắt là Việt Minh" (12). Đồng thời Đảng ta và Việt Minh phải hết sức giúp đỡ các dân tộc Miên, Lào tổ chức ra "Cao Miên độc lập Đồng Minh, Ai Lao độc lập Đồng Minh".

Hội nghị Trung ương VIII còn chủ trương thực hiện chính sách "dân tộc tự quyết" cho mỗi quốc gia dân tộc Đông Dương: "Các dân tộc sống trên cõi Đông Dương sẽ tùy theo ý muốn, tổ chức thành liên bang cộng hòa dân chủ hay đứng riêng thành một dân tộc quốc gia tùy ý... Riêng dân tộc Việt Nam, một dân tộc đông và mạnh hơn hết ở Đông Dương, sau lúc đánh đuổi được Pháp-Nhật sẽ thành lập một nước Việt Nam dân chủ mới theo tinh thần tân dân chủ" (13). Đây là bước tiến trong việc giải quyết vấn đề dân tộc giữa các quốc gia dân tộc trong Liên bang Đông Dương thuộc Pháp.

3) Hội nghị quyết định phải xúc tiến công tác chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang, coi đây là nhiệm vụ trung tâm của Đảng và của nhân dân ta trong giai đoạn hiện tại. Để đưa cuộc khởi nghĩa vũ trang đến thắng lợi cần phải ra sức phát triển lực lượng cách mạng và các hình thức tổ chức thích hợp. Hội nghị nhận định: "Dân ta ngày nay tuy đã khổ sở nhiều, nhưng cũng chưa phải hết đường sống, cho nên chưa quyết liệt bước vào con đường khởi nghĩa. Nhưng rồi đây tình thế chết đã đến chân, bắt buộc họ phải đứng dậy, liều chết vật lộn với quân giặc cướp nước. Lúc ấy cả thế giới như một nồi nước sôi và tình hình cách mạng Đông Dương bước những bước vĩ đại để dọn đường cho một cuộc tổng khởi nghĩa mạnh mẽ". Để tận

dụng được cơ hội đó, theo Nghị quyết Hội nghị Trung ương VIII, chúng ta không được ỷ lại, không được ngồi chờ, mà phải chủ động chuẩn bị một lực lượng sẵn sàng, chờ cơ hội thuận lợi hơn cả mà đánh lại quân thù "nay mai đây cuộc chiến tranh Thái Bình Dương và cuộc kháng chiến của nhân dân Tàu xoay ra hoàn toàn cho cuộc cách mạng Đông Dương thắng lợi, thì lúc đó với lực lượng sẵn có, ta có thể lãnh đạo một cuộc khởi nghĩa từng phần trong từng địa phương cũng có thể giành sự thắng lợi mà mở đường cho một cuộc tổng khởi nghĩa to lớn" (14).

4) Chuyển công tác Đảng về nông thôn, về vùng sâu, vùng xa là những nơi chính quyền thực dân yếu kém để biến những nơi đó thành cơ sở của ta, xây dựng những nơi đó thành căn cứ địa cách mạng. Trong Nghị quyết Hội nghị Trung ương VIII có một đoạn nói về việc phát triển các phong trào cách mạng trên cả nước: "*Đảng cần phải chú ý phát triển cho đều theo sự quan hệ cần thiết của nó, đặc biệt cần yếu là những nơi đô thị tập trung, đồn điền, hầm mỏ đến các hương thôn, sau nữa là các dân tộc thiểu số... Những nơi xưa nay chưa có, ta phải đưa vận động chấp nôl các môi manh là cho phong trào khởi cô độc*" (15). Đoạn

trích dẫn trên cho chúng ta nghĩ tới một hướng mới của công tác đảng trong tình hình mới, đó là sự quan tâm xây dựng cơ sở cách mạng, phong trào cách mạng ở vùng nông thôn, vùng đồng bào dân tộc, tức vùng sâu, vùng xa và đặc biệt lưu tâm tới gây dựng phong trào cách mạng ở những nơi trước đây chưa có. Hướng công tác đảng mới này đã mở đường cho việc xây dựng căn cứ địa cách mạng như Cao Bằng, Bắc Sơn - Vũ Nhai, dẫn tới việc thành lập Khu Giải phóng rộng lớn Cao - Bắc - Lạng, Hà - Tuyên - Thái, một hình ảnh tương lai thu nhỏ của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sau cách mạng tháng Tám thắng lợi.

Hội nghị Ban Chấp hành trung ương VIII chính là cuộc gặp gỡ kỳ thú giữa tư tưởng Nguyễn Ái Quốc trong Cương lĩnh của Đảng Cộng sản Việt Nam được thông qua trong Hội nghị Hợp nhất và việc giải quyết mối quan hệ biện chứng giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp trong cuộc cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam của Ban Chấp hành Trung ương Đảng ta được khởi động từ tháng 11-1939. Và đó chính là sự chuẩn bị đường lối và lực lượng chính trị rộng lớn cho sự thắng lợi của cuộc cách mạng tháng Tám năm 1945.

CHÚ THÍCH

(1). Hồ Chí Minh. *Toàn tập*. Tập 3. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 90.

(2). *Văn kiện Đảng Toàn tập*. Tập 6. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 55.

(3). Trần Dân Tiên. *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ Tịch* (in lần thứ tư). Nxb. Sự Thật, Hà Nội, 1981, tr. 52.

(4). Hồ Chí Minh. *Toàn tập*. Tập 3, sdd, tr. 139.

(5). *Đầu nguồn* (Hồi ký về Bác Hồ). Nxb. Văn học, Hà Nội, 1975.

(6), (7), (8), (9), (10), (11), (12), (13), (14), (15). *Văn kiện Đảng Toàn tập*, tập 7. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 58, 118, 118, 119, 113, 122, 113-114, 131-132, 135.